

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST

Ngày: 31-3-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung

2. Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1936 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 29, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 584, tổ 23, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2018 ông có cho ông L vay số tiền 12.000.000 đồng để ông L làm vốn làm ăn, không có thoả thuận lãi và cũng không có thoả thuận thời hạn trả nợ, hai bên chỉ thoả thuận miệng với nhau, không có làm giấy tờ về việc vay này. Sau đó, ông L có trả tiền vốn gốc cho ông nhiều lần tổng cộng là 7.000.000 đồng, còn nợ ông số tiền vốn gốc là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, lâu lâu khi làm ăn được ông L có cho ông thêm tiền lãi nhưng ông không nhớ ông L đã đưa số tiền cụ thể là bao nhiêu. Từ tháng 4/2021 thì ông L ngưng trả tiền vốn

gốc cho ông và ông có đến gặp ông L nhiều lần nhưng ông L cứ hứa hết lần này đến lần khác, không trả nợ cho ông.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông L trả cho ông số tiền vay còn nợ là 15.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/11/2021 cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nay ông xin rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông L trả số tiền vốn gốc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, đối với yêu cầu Toà án tuyên bố huỷ hợp đồng thuê nhà giữa ông và ông L lập ngày 17/3/2018, buộc ông L di dời căn nhà (gỗ tạm, lợp thiết) trả lại đất cho ông và yêu cầu ông L trả cho ông số tiền thuê còn nợ là 12.000.000 đồng thì ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2022 bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2018 ông có vay của ông S số tiền vốn gốc 12.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, hai bên có thoả thuận tiền lãi mỗi tháng là 1.200.000 đồng, ông có trả lãi đầy đủ đến tháng 4/2021 thì ngưng trả lãi. Sau đó, giữa ông và ông S thoả thuận, thống nhất ông không trả lãi chỉ trả số tiền vốn gốc 12.000.000 đồng cho ông S. Ông đã trả cho ông S số tiền vốn là 7.000.000 đồng, còn nợ số tiền 5.000.000 đồng và đồng ý trả nợ cho ông S nhưng xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, ngày 17/3/2018 giữa ông và ông S có thoả thuận và ký kết “*Hợp đồng thuê mặt bằng sửa Honda*”, có thoả thuận thời hạn thuê là 03 năm, tính từ ngày 17/3/2018 đến ngày 17/3/2021 thì hết hạn hợp đồng, với giá thuê là 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông đã đưa cho ông S số tiền 12.000.000 đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng. Do đó, việc ông S khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền thuê 12.000.000 đồng là không đúng, ông không đồng ý.

Tại phiên tòa,

- Ông S xin rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông L trả số tiền vốn gốc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Đối với yêu cầu Toà án tuyên bố huỷ hợp đồng thuê nhà giữa ông và ông L lập ngày 17/3/2018, buộc ông L di dời căn nhà (gỗ tạm, lợp thiết) trả lại đất cho ông và yêu cầu ông L trả cho ông số tiền thuê còn nợ là 12.000.000 đồng thì ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện này.

- Ông L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S. Buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng. Về tiền lãi: Do ông S rút lại và không yêu cầu nên không xem

xét. Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S đối với ông Trần Văn L về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông S khởi kiện yêu cầu ông L trả tiền vay và tiền thuê tài sản. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê tài sản*”.

Bị đơn ông L có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tại phiên toà ông S có mặt, ông L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hợp đồng vay tài sản: Tại đơn khởi kiện ông S yêu cầu ông L trả cho ông số tiền vay còn nợ là 15.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/11/2021 cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông S xin rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông L trả một lần số tiền vốn gốc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Về phía ông L thừa nhận còn nợ ông S số tiền 5.000.000 đồng và đồng ý trả nợ cho ông S nhưng xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Từ đó, có cơ sở xác định giữa ông S và ông L có thoả thuận miệng việc vay tiền. Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông S và ông L. Mặc dù hai bên không làm hợp đồng nhưng được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc. Ông S và ông L đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Do đó, việc ông S yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả số tiền nợ 5.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, đối với yêu cầu của ông L là xin được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được ông S chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[2.2] *Về tiền lãi:* Ông S không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra, đối với việc ông L trình bày giữa ông L và ông S có thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng là 1.200.000 đồng và ông L trả lãi đầy đủ đến tháng 4/2021 thì ngưng trả lãi. Xét thấy, nội dung trình bày này của ông L không được ông S thừa nhận và ông L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả lãi cho ông S nên không có cơ sở để xem xét.

[2.3] *Về Hợp đồng thuê tài sản:* Tại đơn khởi kiện ông S yêu cầu Tòa án tuyên bố huỷ hợp đồng thuê nhà giữa ông và ông L lập ngày 17/3/2018, buộc ông L di dời căn nhà (gỗ tạm, lợp thiết) trả lại đất cho ông và yêu cầu ông L trả cho ông số tiền thuê còn nợ là 12.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông S xin rút lại toàn bộ yêu cầu này. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ông S rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên được chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông S đối với ông L về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

[3] *Về án phí:*

Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông S không phải chịu án phí.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S.

Buộc ông Trần Văn L phải trả cho ông Nguyễn Thanh S số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S đối với ông Trần Văn L về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản. Ông Nguyễn Thanh S có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí. Do ông Nguyễn Thanh S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên ông S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên